

Bản án số: 62/2022/HNGĐ – ST

Ngày 07-9-2022

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 109/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17/8/2022 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Lâm Thị Ngọc T**, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt)

HKTT: tổ 7, Kp.Ninh Thịnh, TT.Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú hiện nay: ấp Chợ, thị trấn Cù Lao Dung, huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Nguyên H**, sinh năm 1978 (vắng mặt không có lý do)

HKTT: ấp Thạnh Đông, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2022 và bản tự khai nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc T trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Nguyễn Nguyên H có tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân TT.Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau trong thời gian 02 năm.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại kp.Ninh Thịnh, TT.Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Nay nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T xin được ly hôn với ông H.

+ *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung con. Vợ chồng không nhận ai làm con nuôi.

+ *Về tài sản chung*: Bà T và ông H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Về nợ chung*: Bà T và ông H không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn ông Nguyễn Nguyên H vắng mặt không có lý do và không cung cấp lời khai cũng như văn bản trình bày ý kiến.*

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:*

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lâm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Nguyên H.

+ Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về tài sản chung: Bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Nguyên H không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Nguyên H không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn bà Lâm Thị Ngọc T có đơn khởi kiện ly hôn với ông Nguyễn

Nguyễn H tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh để giải quyết theo thẩm quyền. Quá trình làm việc xác định ông Nguyễn Nguyên H có nơi cư trú tại huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã có ý kiến bằng văn bản đề nghị được xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn đã được triệu tập, thông báo hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Nguyên H sống chung với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND TT.Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vì vậy, hôn nhân giữa bà Lâm Thị Ngọc T và ông Nguyễn Nguyên H là hợp pháp.

Theo đơn khởi kiện thì bà T cho rằng vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 01 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay, nên bà T xin được ly hôn với ông H. Ông H đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông H đã trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà T được ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà T khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà T khẳng định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà T phải chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 39 Bộ luật dân sự;

- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Ngọc T

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lâm Thị Ngọc T được ly hôn với ông Nguyễn Nguyên H.

2/ Về con chung: Không có con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Đương sự khẳng định không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Lâm Thị Ngọc T phải chịu 300.000đồng án phí, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0009850 ngày 23/5/2022.

6/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKS huyện Lộc Ninh;
- THADS huyện Lộc Ninh;
- UBND TT.Lộc Ninh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Quyết